



Đặc điểm lâm sàng y học cổ truyền của đối tượng nhiễm Covid 19 điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

CLINICAL CHARACTERISTICS IN TRADITIONAL MEDICINE OF PATIENTS INFECTED WITH COVID-19 WERE TREATED AT BAC GIANG HOSPITAL OF TRADITIONAL MEDICINE

Nguyễn Thị Lan¹, Nguyễn Tiến Chung¹, Nguyễn Quốc Huy¹

Nguyễn Văn Toàn², Nguyễn Thị Thu Trang¹

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

²Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

TÓM TẮT

Covid 19 là tên gọi của bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút corona (nCoV) gây ra. Dịch bệnh Covid 19 gây suy giảm nền kinh tế và ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người. Y học cổ truyền từ lâu đã đóng một vai trò quan trọng trong việc kiểm soát phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm. Do đó, nghiên cứu của chúng tôi tiến hành nhằm đánh giá đặc điểm lâm sàng theo Y học cổ truyền của đối tượng mắc Covid 19, từ đó phân thể bệnh là tiền đề cho việc xây dựng pháp điều trị Y học cổ truyền phù hợp. Tiến hành khảo sát trên 126 đối tượng nghiên cứu tại Bệnh viện Y học cổ truyền (YHCT) tỉnh Bắc Giang cho thấy tuổi trung bình là 30 tuổi (nữ cao gấp 3 lần nam); chủ yếu là công nhân đến từ nhiều vùng miền, đều có tiền sử sống trong vùng có dịch; các chứng trạng hay gặp là sốt (54,17%), mệt mỏi (87,96%), ho khan (81,02%), họng khô (51,85%), họng đau (55,56%), miệng khô (54,29%), miệng khát (58,80%), đau đầu (53,79%), rêu lưỡi trắng mỏng (69,91%); thể bệnh hay gặp là “tà tại phế vệ” (93,06%), phần lớn thuộc biểu thực (biểu thực nhiệt 50,46%, biểu thực hàn 45,83%).

Từ khóa: Covid 19, Y học cổ truyền.

SUMMARY

Covid 19 is the name of an acute respiratory infection caused by a new strain of corona virus (nCoV). The Covid-19 epidemic has not only caused economic decline but also greatly affected people's lives. Traditional medicine has long played an important role in the control and treatment of infectious diseases. Therefore, our study was conducted to evaluate clinical characteristics according to traditional medicine of subjects with Covid 19, from which disease subtypes are the premise for the development of appropriate traditional medicine treatment. Conducting a survey on 126 research subjects at the Bac Giang Traditional Medicine Hospital showed that the average age was 30 years old (females were 3 times higher than males); Conducting a survey on 126 research subjects at the Bac Giang Traditional Medicine Hospital showed that the average age was 30 years old (females

Ngày nhận bài: 15/9/2021

Ngày phản biện: 20/9/2021

Ngày chấp nhận đăng: 4/11/2021

were 3 times higher than males); mainly workers from many regions, all have a history of living in epidemic areas; common symptoms were fever (54.17%), fatigue (87.96%), dry cough (81.02%), dry throat (51.85%), sore throat (55.56%), dry mouth (54.29%), thirsty mouth (58.80%), headache (53.79%), thin white tongue moss (69.91%); The most common form of the disease is “xie zai fei wei” (93.06%), mostly in outside real formb (50.46% heat, 45.83% cold).

Keywords: Covid 19, Traditional Medicine.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, bệnh truyền nhiễm đang là mối quan tâm hàng đầu bởi tỷ lệ người mắc bệnh tăng nhanh, tỷ lệ tử vong cao mặc dù y tế được chú trọng phát triển. Đặc biệt, các biện pháp phòng và điều trị bệnh gặp nhiều khó khăn do sự xuất hiện của các chủng virus mới. Sự bùng phát của dịch viêm đường hô hấp cấp gây chết người (COVID-19) do chủng mới của vi-rút Corona (SARS-CoV-2) đang gây ra đại dịch toàn cầu, làm suy giảm nền kinh tế và ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người. Tại Việt Nam, tỉnh Bắc Giang là nơi có số lượng ca mắc Covid – 19 cao nhất trong quý II năm 2021 với tổng số ca mắc COVID-19 là trên 2000 trường hợp. Trong quý III, tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp tại miền Nam với số lượng ca mắc vượt nửa triệu người, số ca tử vong vượt 10.000 người. Từ lâu, Y học cổ truyền đã đóng một vai trò quan trọng trong việc kiểm soát các bệnh truyền nhiễm. Bằng chứng lâm sàng là một loạt các nghiên cứu về thuốc thảo dược trong điều trị bệnh SARS coronavirus (SARS-CoV) đã cho thấy kết quả đáng kể, thuốc thảo dược có tác dụng tốt trong điều trị và phòng chống dịch bệnh. Việc đánh giá đặc điểm triệu chứng lâm sàng Y học cổ truyền của đối tượng mắc Covid 19 góp phần xác định các chứng trạng chính, phân thể bệnh Y học truyền, từ đó đưa ra pháp điều trị phù hợp.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp

mô tả cắt ngang có phân tích. Lựa chọn mẫu toàn thể, đối tượng được chẩn đoán mắc Covid 19 theo phương pháp PCR-Real time không phân biệt tuổi, giới, nghề nghiệp, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tất cả bệnh nhân được khai thác chứng trạng YHCT xuất hiện trong quá trình khám và điều trị tại Bệnh viện YHCT tỉnh Bắc Giang trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2021. Các chỉ tiêu theo dõi gồm: Đặc điểm chung, tần suất xuất hiện chủ chứng, tần suất xuất hiện thứ chứng, phân thể lâm sàng theo y học cổ truyền.

Số liệu sau thu thập được xử lý bằng thuật toán thống kê y sinh học dưới sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0 của IBM.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm giới tính, tiền sử, tuổi của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	53	24,54
	Nữ	163	75,46
Tiền sử	Dịch tễ có tiếp xúc nguồn bệnh	216	100
	Mắc các bệnh nội ngoại khoa cấp tính	0	0
Tuổi	< 18 tuổi	10	4,63
	19 – 30 tuổi	114	52,78
	31- 40 tuổi	62	28,70



Tuổi	41 – 50 tuổi	20	9,36
	51 – 60 tuổi	8	3,70
	>60 tuổi	2	0,93
	Tuổi TB (± SD)	30,53 ± 10,12 (Min = 3, Max = 70)	

Về giới tính: Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, đối tượng nghiên cứu là nữ giới (75,46%) gặp nhiều hơn nam giới (24,54%). Kết quả này tương đồng với kết quả của Lê Minh Đạt, Kiều Thị Hoa tỷ lệ mắc ở nữ (62,43%) cao hơn ở nam (37,57%); Khác so với kết của nghiên cứu của tác giả Chaolin Huang, YemingWang và cộng sự: hầu hết các đối tượng nghiên cứu là nam giới (chiếm 73%) và nghiên cứu của tác giả Ke Hu, Wei-jie Guan, Ying B cho thấy tỷ lệ nam giới nhiễm Covid - 19 là 55,6%.

Về tuổi: 94,5% đối tượng trong nghiên cứu này ở độ tuổi lao động. Ít gặp ở người >60 tuổi. Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 30,53 ± 10,12. Kết quả này không tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Ke Hu, Wei-jie Guan, Ying B tuổi trung bình là 50.4 ± 15,2 Trong nhóm nghiên cứu của chúng tôi có 3 đối tượng được khảo sát dưới 3 tuổi chiếm tỷ lệ 1,39%; trẻ <18 chiếm tỷ lệ 4,63%. Nghiên cứu về Đặc điểm lâm sàng, phân tử và dịch tế học của vi rút SARS-CoV-2 và Bệnh Coronavirus 2019 (COVID-19) của của tác giả Ramandeep Singh và cộng sự cũng cho thấy: tỷ lệ mắc ở trẻ em chiếm 1-5% tỷ lệ trên tổng số mắc Covid – 19.

Về tiền sử: Đã có rất nhiều nghiên cứu nhắc đến yếu tố bệnh nền (tim mạch, đái tháo đường, tăng huyết áp, suy giảm miễn dịch...) làm tăng nguy cơ mắc Covid – 19 như nghiên cứu của Chaolin Huang, YemingWang: tiểu đường (tám [20%]), tăng huyết áp (sáu [15%]) và bệnh tim mạch (sáu [15%]). Tuy nhiên, trong nghiên cứu của chúng tôi, 100% đối tượng nghiên cứu không có yếu tố

nền, đều sống trong vùng dịch. Điều này cũng phù hợp với tỷ lệ nhiễm Covid – 19 chủ yếu ở độ tuổi lao động.

Khi khảo sát nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy: đa số là công nhân chiếm tỷ lệ nhiều nhất: 92,6%. Các đối tượng này cùng đi làm nên tiếp xúc gần làm tăng tỷ lệ lây nhiễm. Lao động tự do và học sinh chiếm 2,8%. Kết quả nghiên cứu gặp chủ yếu ở công nhân do thời điểm nghiên cứu tiến hành tại ở Khu công nghiệp Bắc Giang và Bệnh viện Y học cổ truyền Bắc Giang là một trong những địa điểm được chỉ định điều trị cho những bệnh nhân được sàng lọc trong khu công nghiệp.

Đặc điểm lâm sàng y học cổ truyền của đối tượng nghiên cứu

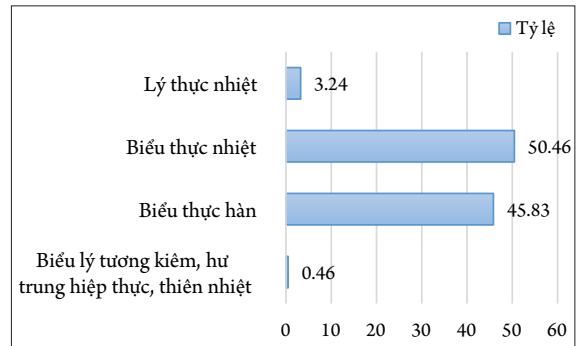
Bảng 2. Đặc điểm lâm sàng y học cổ truyền của đối tượng nghiên cứu

STT	Chứng trạng	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Sốt nhẹ	117	54,17
2	Sốt cao	28	12,96
3	Mệt mỏi	190	87,96
4	Ngạt mũi	85	39,35
5	Ho khan	175	81,02
6	Ho có đờm	29	13,43
7	Ho đờm vàng khó khạc	7	4,17
8	Họng khô	112	51,85
9	Họng đau	120	55,56
10	Đau bụng	2	0,93
11	Đại tiện lỏng	15	6,94
12	Đại tiện táo	0	0
13	Sợ lạnh	88	40,74
14	Sợ nóng	86	39,81
15	Có mồ hôi	54	25,00
16	Mắt đỏ	56	25,93
17	Mắt đỏ	31	14,35
18	Chất lưỡi đỏ nhạt	78	36,11

19	Chất lưỡi đỏ	45	20,83
20	Rêu lưỡi trắng mỏng	151	69,91
21	Rêu lưỡi trắng nhờn	27	12,50
22	Rêu lưỡi trắng hơi khô	14	6,48
23	Rêu lưỡi vàng hoặc nhờn	8	5,71
24	Miệng khô	76	54,29
25	Miệng khát thích uống	127	58,80
26	Đau đầu	116	53,70
27	Toàn thân đau	49	22,69
28	Đầu gáy cứng	8	3,70
29	Tức ngực	26	12,04
30	Ngực đầy chướng	19	8,80
31	Đầy bụng	18	8,33
32	Buồn nôn hoặc nôn	17	7,87
33	Chân tay đau nhức	44	20,37
34	Tiểu tiện ngắn đỏ	69	31,94
35	Mạch phù sắc	100	46,30
36	Mạch phù khẩn	71	32,87
37	Mạch phù vô lực	0	0
38	Mạch hoạt	34	15,74

Các chứng trạng hay gặp là sốt (sốt nhẹ: 54,17%; sốt cao: 12,96%); mệt mỏi (97,96%); ho khan (81,02%), họng khô (51,85%), họng đau (55,56%), đau đầu (53,70%), miệng khô (54,29%), khát thích uống nước (58,80%), rêu lưỡi trắng mỏng (69,91%), Mạch phù sắc (46,30%), mạch phù khẩn (32,87%). Một số triệu chứng ít gặp như: đau bụng, đầu gáy cứng, đại tiện táo... Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Chaolin Huang, YemingWang và cộng sự: các chứng trạng xuất hiện nhiều cũng là sốt, mệt mỏi, ho. Nghiên cứu của Guan.W J cũng cho thấy thứ tự các triệu chứng với tần suất trên 10% là: sốt (43,1% tại phòng khám ngoại trú, 87,9% nhập viện); ho (67,7%), mệt mỏi (38,1%), ho đờm (33,4%), khó thở (18,6%), đau cơ khớp (14,8%), đau họng (13,9%), nhức đầu (13,6%), buồn nôn, cảm lạnh (11,4%).

Phân loại thể bệnh Y học cổ truyền



Biểu đồ 1. Phân loại thể bệnh theo bát cương Y học cổ truyền

Bảng 3. Phân loại thể bệnh y học cổ truyền theo “cảm mạo thời hành”

Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tà tại phế vệ	201	93,06%
Phế nhiệt ủng thịnh	0	0
Tà độc nội hãm	0	0
Ngoại cảm hiệp thấp	15	6,94%

Theo Y học cổ truyền, bệnh này thuộc phạm vi chứng “Ôn dịch” của học thuyết ôn bệnh học với tên gọi là Cảm mạo ôn bệnh. Nguyên nhân thường do nhân lúc cơ thể chính khí hư, tà khí phong hàn thấp xâm nhập mà gây nên bệnh. Căn cứ vào chứng trạng y học y cổ truyền thu thập được và lý luận y học cổ truyền, 216 đối tượng nghiên cứu được chẩn đoán vào các thể biểu thực hàn, biểu thực nhiệt, lý thực nhiệt, biểu lý tương kiềm, hư trung hiệp thực. Trong đó thể biểu thực nhiệt chiếm tỷ lệ cao nhất 50,46%. Hoặc dựa trên nghiên cứu lâm sàng về thuốc mới của y học cổ truyền trung quốc chia chứng này thành 4 thể, nghiên cứu của chúng tôi chỉ xuất hiện thể tà phạm phế vệ và ngoại cảm hiệp thấp, trong đó tà phạm phế vệ chiếm hơn 90%. Sở dĩ nghiên cứu của chúng tôi chưa xuất hiện chứng tà độc nội hãm và phế nhiệt ủng thịnh



do đối tượng nghiên cứu hầu hết thuộc khu công nghiệp đã được theo dõi và cách ly từ khi chưa có biểu hiện lâm sàng đến biểu hiện lâm sàng nhẹ (bệnh ở phế vệ), do đó, bệnh chưa tiến triển vào sâu bên trong. Hơn nữa, theo Phác đồ chẩn đoán và điều trị Bệnh COVID - 19 bản thứ 8 của Trung Quốc ban hành ngày 14/4/2021 cũng căn cứ vào lý luận Y học cổ truyền Trung Quốc và thực tiễn lâm sàng chia thành: mức độ nhẹ (hàn thấp uất phế, ôn nhiệt uẩn phế) và mức độ vừa (thấp độc uất phế, hàn thấp trở phế) [21]. Nhưng do khác nhau địa lý, thực tiễn lâm sàng nên các chứng trạng

thu thập được có tần suất xuất hiện, đặc điểm hàn nhiệt hư thực có điểm khác nhau.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng theo YHCT trên 216 bệnh nhân Covid-19, chúng tôi thấy: Chứng trạng thường gặp là: mệt mỏi (87,9%), ho khan (81,0%), miệng khát (58,8%), đau họng (55,5%), sốt (54,7%); Chẩn đoán theo bát cương thường gặp là Biểu thực nhiệt (50,4%), Biểu thực hàn (45,8%); Thể bệnh thường gặp là Tà tại phế vệ (93,6%) và Ngoại cảm hiệp thấp (6,94%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ahmad A., Rehman M.U., Alkharfy K.M.** An alternative approach to minimize the risk of coronavirus (Covid-19) and similar infections. *Eur. Rev. Med. Pharm. Sci.* 2020;24(7):4030–4034. <http://moh.gov.vn>
2. **Bộ Y tế, 2020.** Hướng dẫn sử dụng thuốc cổ truyền, phương pháp Y học cổ truyền trong phòng và hỗ trợ điều trị viêm đường hô hấp cấp do SARS-Cov-2 (công văn số 1306/BYT-YDCT ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng, Bộ Y tế).
3. 国家卫生健康委办公厅 国家中医药管理局办公室, 新型冠状病毒肺炎诊疗方案 (试行第八版修订版), 成文日期2021年04月14日.
4. **Bộ Y tế (2020),** Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV-2 (COVID-19). Ban hành kèm theo quyết định số 1344 QĐ-BYT ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
5. **Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2006).** Nội Kinh. Nhà xuất bản y học, tr.56-57.
6. **Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2005).** Ôn bệnh. Nhà xuất bản y học, tr.130 – 132.
7. **Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa Y học cổ truyền (2006).** Bài giảng Y học cổ truyền tập 1. Nhà xuất bản Y học.
8. 郑筱萸. 中药新药临床研究 (指导原则). 中国医药科技出版社. 第八章186页.